

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 4 – 2018

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Lê Thị Thu**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô Hoàng Sơn**.

2. Ông **Nguyễn Hoàng Dân**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hoàng Xuân Thùy Dương** – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Diệp Văn C**, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: đường Q, khóm H, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà **Tăng Thị H**, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: đường Q, khóm H, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, ông **Diệp Văn C** và bà **Tăng Thị H** chung sống vợ chồng vào năm 1974, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại địa chỉ: đường Q, khóm H, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống theo lời khai ông **C** trình bày vợ chồng không hòa hợp, gia đình khó khăn đến năm 1985 bà **H** bỏ nhà đi đến nay không rõ tung tích còn sống hay đã chết. Sự việc trên, được cơ quan quản lý hộ khẩu, nhân khẩu thường trú ở địa phương xác nhận và được Toà án nhân dân thành phố Cà Mau ra các Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú ngày 30/3/2017, Quyết định tuyên bố bà **H** mất tích ngày 09/02/2018 nhưng đến thời điểm Toà án mở phiên toà xét xử việc ông **C** xin ly hôn bà **H**, ông **C** cũng không biết được tung tích của bà **H**. Nay ông **C** yêu cầu Toà án giải quyết cho ông ly hôn với bà **H**.

Về con chung, ông **C** khai có 03 người con tên **Diệp Ngọc H**, sinh năm 1974; **Diệp Ngọc T**, sinh năm 1976; **Diệp Thanh T**, sinh năm 1982. Hiện các con đã trưởng thành nên ông không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, ông **C** khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân, ông C và bà H chung sống như vợ chồng vào năm 1974, không đăng ký kết hôn. Mặc dù ông C, bà H không đăng ký kết hôn nhưng ông bà có mối quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) nên được chấp nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Do bà H đã bị Tòa án ra quyết định tuyên bố mất tích nên trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để thông báo cho bà H biết về các vấn đề người khởi kiện yêu cầu nhưng đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ tài liệu, chứng cứ hoặc ý kiến nào của bà H đối với yêu cầu của ông C. Vì vậy, lời trình bày của ông C về thời gian chung sống, kết hôn và mâu thuẫn là có cơ sở. Lời trình bày của ông C và việc bà H bỏ nhà đi từ năm 1985 đến nay không rõ tung tích còn sống hay đã chết, có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy chấp nhận yêu cầu ông C được ly hôn bà H.

[2] Về con chung: có 03 người con tên Diệp Ngọc H, sinh năm 1974; Diệp Ngọc T, sinh năm 1976; Diệp Thanh T, sinh năm 1982. Hiện những người con đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, ông C khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí, ông C phải nộp theo quy định.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Diệp Văn C về việc xin ly hôn bà Tăng Thị H.

- Về con chung, có 03 người con tên Diệp Ngọc H, sinh năm 1974; Diệp Ngọc T, sinh năm 1976; Diệp Thanh T, sinh năm 1982. Hiện các con đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung, ông C khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông Diệp Văn C phải nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 26/02/2018, ông C đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0000383 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông Diệp Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Tăng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát Tp Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thu